

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐẠI HỌC HUẾ** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27 /QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy**  
**ngành Quản trị khách sạn thuộc Khoa Du lịch - Đại học Huế**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ**

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp ở mỗi trình độ đào tạo và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Công văn số 4929/BGDĐT-GDDH ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành du lịch;  
Xét đề nghị của Q.Trưởng Ban Đào tạo Đại học Huế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

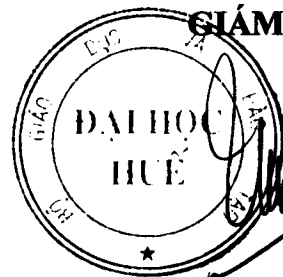
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn (mã số 7810201) áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành về du lịch.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo nêu ở Điều 1 Quyết định này được tổ chức thực hiện từ khóa tuyển sinh 2018.

**Điều 3.** Các ông/bà Chánh văn phòng, Trưởng các ban chức năng có liên quan của Đại học Huế và Khoa trường Khoa Du lịch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Phó Giám đốc ĐHH;
- Lưu: VT, Ban ĐT.



**Nguyễn Quang Linh**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/QĐ-ĐHH ngày 11 tháng 01 năm 2018 của  
Giám đốc Đại học Huế)

Ngành đào tạo : **Quản trị khách sạn**

Mã số: **7810201**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy.**

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn theo cơ chế đặc thù là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có kiến thức và nghiệp vụ về kinh doanh du lịch, đồng thời tinh thông về quản trị kinh doanh khách sạn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### a) Về kiến thức:

Nắm vững kiến thức về phát triển du lịch bền vững, kiến thức văn hóa, địa lý, môi trường trong ngành du lịch; đánh giá được các ảnh hưởng của phát triển du lịch và kinh doanh khách sạn về mặt xã hội-kinh tế, đảm bảo nguyên tắc tối ưu hóa những ảnh hưởng có lợi về mặt kinh tế-xã hội nhưng vẫn giữ được sự trong sạch về môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững;

Vận dụng các kiến thức chung về quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp, đặc biệt đối với các khách sạn, cơ sở kinh doanh lưu trú;

Vận dụng kiến thức quản lý về nhân sự, tài chính, chiến lược, cơ sở vật chất, quy trình trong các bộ phận thuộc trong khách sạn và khu nghỉ dưỡng; kiến thức về quản lý các bộ phận trong khách sạn và khu nghỉ dưỡng;

Hiểu biết chuyên sâu về ngành du lịch và dịch vụ, sự phát triển của ngành, cơ hội và thách thức của ngành cũng như vai trò và các yếu tố quan trọng trong ngành dịch vụ và hệ thống du lịch.

##### b) Về kỹ năng:

Có khả năng vận dụng các kiến thức trong công tác quản lý kinh doanh khách sạn;

Có khả năng làm việc trong môi trường khách sạn – nhà hàng, khu nghỉ dưỡng chuyên nghiệp, dưới sức ép công việc lớn.

Có khả năng phân tích, phát hiện vấn đề trong kinh doanh khách sạn; bước đầu có khả năng đề xuất các phương án quản trị nhằm giải quyết các vấn đề của kinh doanh khách sạn;

Có khả năng giao tiếp tốt và sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ trong giao tiếp và những nghiệp vụ thương mại cần thiết;

Làm chủ được máy móc, phần mềm văn phòng, phần mềm quản lý khách sạn;

Hình thành và phát triển các kỹ năng nghiên cứu độc lập trong ngành kinh doanh du lịch – dịch vụ.

*c) Về thái độ:*

Hình thành thái độ nghiêm túc và chuyên nghiệp trong làm việc cũng như giao tiếp, phục vụ khách hàng;

Có ý thức nghề nghiệp rõ ràng, thường xuyên học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, phục vụ;

Có trách nhiệm với công việc và thể hiện đạo đức nghề nghiệp.

### *1.3. Vị trí công việc*

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn áp dụng cơ chế đặc thù sẽ có đủ điều kiện về kiến thức, kỹ năng và thái độ để tham gia vào các vị trí, chức danh sau:

- Nhân viên quản lý, điều hành tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch được xếp hạng từ 1 – 5 sao;

- Nhân viên quản lý, điều hành các bộ phận tác nghiệp và chức năng tại các cơ sở lưu trú, các khách sạn hay các khu nghỉ dưỡng cao cấp quốc tế;

- Nhân viên quản lý tại các cơ sở kinh doanh nhà hàng, các cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch khác;

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tư vấn về du lịch và khách sạn;

- Nghiên cứu viên trong lĩnh vực kinh tế du lịch, quản lý khách sạn tại các viện, trung tâm nghiên cứu;

- Giảng viên giảng dạy chuyên ngành du lịch và khách sạn tại các cơ sở đào tạo.

### *1.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường*

- Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước cùng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp;

- Có khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển năng lực bản thân để trở thành các nhà quản lý các cấp khác nhau trong lĩnh vực du lịch – khách sạn và các lĩnh vực khác.

- Có khả năng học tập, nghiên cứu, phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc nhóm ngành kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.

## **2. Thời gian đào tạo**

Ngành Quản trị khách sạn được tiến hành đào tạo theo Quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo. Kế hoạch chương trình đào tạo dự kiến tiến hành trong 4 năm.

## **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Khối lượng kiến thức toàn khoá là 120/159 tín chỉ.

## **4. Đối tượng tuyển sinh**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo.

## **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

- Quy trình đào tạo theo tín chỉ
- Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên tích lũy tối thiểu 120 tín chỉ, trong đó phân bắt buộc 104 tín chỉ và phần tự chọn tối thiểu 16 tín chỉ.

## **6. Thang điểm**

Sử dụng thang điểm theo Quy định trong Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ hiện hành (của BGDĐT và của Đại học Huế).

## **7. Đặc trưng của chương trình đào tạo Quản trị khách sạn áp dụng cơ chế đặc thù**

### *7.1. Chương trình đào tạo theo hướng mở*

Trong cấu trúc tổng thể 62 học phần (159 tín chỉ) của chương trình Quản trị khách sạn theo cơ chế đặc thù, có 38/62 học phần bắt buộc, 24/62 học phần tự chọn (tương đương 55/159 tín chỉ chiếm 34,60%). Trong đó, sinh viên cần lựa chọn tích lũy 16/55 tín chỉ (tỉ lệ hơn 1/3). Như vậy, tổng số tín chỉ tự chọn gấp hơn 3 lần số lượng tín chỉ tự chọn mà sinh viên cần tích lũy. Với tỉ lệ như vậy, bảo đảm sự lựa chọn tối ưu của sinh viên (theo tham khảo quy chế đào tạo tín chỉ, tổng số tín chỉ tự chọn gấp 2 lần số lượng tín chỉ tự chọn mà sinh viên cần tích lũy là đã bảo đảm sự lựa chọn cho sinh viên). Trong đó, các học phần tự chọn bao gồm các học phần thuộc nhiều mảng kiến thức khác nhau trong lĩnh vực du lịch, chuyên sâu về khách sạn và kỹ năng liên quan (học phần 29 - 52).

Như vậy, chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn áp dụng cơ chế đặc thù bảo đảm yêu cầu của chương trình đào tạo theo hướng mở, bao gồm các học phần cốt lõi và các học phần tự chọn. Các học phần cốt lõi nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng nền tảng của ngành. Các học phần tự chọn theo hướng chuyên sâu về các lĩnh vực du lịch. Các đặc điểm này sẽ tạo điều kiện tối đa cho người học trong việc bảo đảm tích lũy được các kiến thức nền tảng, quan trọng của ngành, đồng thời thoả mãn nhu cầu lựa chọn tích lũy các kiến thức liên quan cần thiết khác phù hợp với bản thân người học.

### *7.2. Sự tham gia của doanh nghiệp trong chương trình đào tạo*

*mb*

Chương trình cử nhân Quản trị Khách sạn đào tạo theo cơ chế đặc thù gồm 66 học phần tương đương 159 tín chỉ. Trong đó sinh viên cần tích lũy 120 tín chỉ (104 tín chỉ bắt buộc, 16 tín chỉ tự chọn).

Để đảm bảo nguyên tắc của cơ chế đào tạo đặc thù ngành du lịch – khách sạn, trong chương trình 51/62 học phần sẽ có sự tham gia giảng dạy của chuyên gia hoặc sinh viên đi thực tế, thực tập học phần tại các doanh nghiệp du lịch – khách sạn với các hoạt động tương ứng nội dung học phần được mô tả trong các đề cương chi tiết. Các học phần này tập trung vào khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và kiến thức chuyên sâu của ngành. 11 học phần không có sự tham gia của chuyên gia và doanh nghiệp là 9 học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, 2 học phần mang tính đặc thù hàn lâm về thống kê kinh doanh và kinh tế và học phần về phương pháp nghiên cứu khoa học.

### 7.3. Tăng cường thời gian thực tập, thực hành tại doanh nghiệp

Nhằm đảm bảo thời gian thực tập của doanh nghiệp chiếm hơn 50% thời lượng chương trình đào tạo giúp sinh viên có cơ hội thực hành thực tế nghề nghiệp tại doanh nghiệp, chương trình ngành Quản trị khách sạn áp dụng cơ chế đặc thù được thiết kế với tiêu chí đưa sinh viên đi thực tập trong mỗi học phần. Trong đó, tỷ lệ thời lượng có sự tham gia của doanh nghiệp trong mỗi học phần này đều trên 55% (đa phần chiếm 60% trở lên). Ngoài ra, khác với chương trình Quản trị khách sạn truyền thống của Khoa (không áp dụng cơ chế đặc thù), chương trình áp dụng cơ chế đặc thù sẽ tăng số lượng tín chỉ của 3 học phần Thực tập nghiệp vụ 1 và Thực tập nghiệp vụ 2, Thực tập quản lý thành 3 tín chỉ mỗi học phần (tăng 1 tín chỉ/ học phần so với chương trình truyền thống).

Như vậy, thời lượng thực tập, thực tế tại doanh nghiệp của tổng thể chương trình có 1305 tiết (được mô tả cụ thể trong đề cương chi tiết mỗi học phần tại mục 3.3.), đạt 54,72% trong tổng số 2385 tiết (159 tín chỉ) của chương trình.

### 7.4. Công nhận tín chỉ của các trường đại học khác

Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn áp dụng cơ chế đặc thù sẽ công nhận các học phần tương đương của các Trường thuộc Đại học Quốc gia và Đại học Vùng, các trường đại học khác sẽ được Hội đồng Đào tạo - Khoa học của Khoa xem xét đề nghị Khoa trưởng phê duyệt.

### 7.5. Cách thức đánh giá kết quả học phần

Theo nguyên tắc của cơ chế đào tạo đặc thù ngành du lịch, doanh nghiệp sẽ tham gia đào tạo trong 51 học phần của chương trình Quản trị khách sạn áp dụng cơ chế đặc thù theo hình thức hướng dẫn và hỗ trợ cho sinh viên thực tập, thực tế tại doanh nghiệp. Với thời lượng của chương trình tiến hành tại doanh nghiệp chiếm 54,72% tổng thời lượng chương trình, cách thức đánh giá kết quả học phần có sự tham gia của doanh nghiệp sẽ được quy định như sau :

Tổng điểm đánh giá học phần: theo thang điểm 10. Trong đó:

- Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: 10%
- Kiểm tra-đánh giá định kỳ: Báo cáo thực tập/ thực tế tại doanh nghiệp : 40%
- Kiểm tra-đánh giá cuối kỳ: Thi kết thúc học phần: 50%

*Mb*

\* Đối với các học phần thực hiện 100% thời lượng tại doanh nghiệp:

- Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: 10%

- Kiểm tra-đánh giá định kỳ: 10%

- Kiểm tra-đánh giá cuối kỳ: Báo cáo thực tập/ thực tế tại doanh nghiệp: 80%

\* Ngoài ra, chương trình Quản trị khách sạn áp dụng cơ chế đặc thù công nhận chứng chỉ nghiệp vụ hoặc nghề nghiệp tương ứng học phần. Trường hợp sinh viên đã có chứng chỉ nghiệp vụ thì được ưu tiên không tham gia học phần tương ứng. Kết quả đánh giá xếp loại của chứng chỉ (xuất sắc, giỏi, khá, đạt) sẽ được sử dụng, đối chiếu để quy đổi thành tổng điểm đánh giá học phần theo thang điểm 10.

## 8. Nội dung chương trình

### 8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 36 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
	<i>Bắt buộc</i>	<b>36</b>			
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin	5	75	75 (100%)	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30 (100%)	0
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	45	45 (100%)	0
4	Tin học đại cương	3	45	45 (100%)	0
5	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	45	45 (100%)	0
6	Hướng nghiệp	2	30	18 60%	12 40%
7	Pháp luật đại cương	2	30	30 (100%)	0
8	Kinh tế vi mô	3	45	20 (44,44%)	25 (55,56%)
9	Kinh tế vĩ mô	3	45	20 (44,44%)	25 (55,56%)
10	Quản trị học	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
11	Tiếng anh cơ bản 1	3	45	45 (100%)	0
12	Tiếng anh cơ bản 2	2	30	30 (100%)	0

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
13	Tiếng anh cơ bản 3	2	30	30 (100%)	0

*Ghi chú: Học phần Tiếng anh cơ bản 1, 2, 3 có thể được thay đổi tương ứng bằng ngoại ngữ khác theo nhu cầu học tập của sinh viên.*

**\* Giáo dục thể chất**

Chương trình đào tạo các học phần về Giáo dục thể chất được tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo dành cho hệ đại học

**\* Giáo dục quốc phòng - an ninh**

Chương trình đào tạo các học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh được tổ chức theo “Quy định Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học” của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và Bộ Giáo dục và đào tạo đối với hệ đại học.

**8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84/123 tín chỉ**

a) Kiến thức cơ sở (của khối ngành, nhóm ngành và ngành): 30 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
	<i>Bắt buộc</i>	30			
14	Tiếng anh chuyên ngành 1	3	45	15 (33,3%)	30 (66,7%)
15	Tiếng anh chuyên ngành 2	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
16	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3	45	45 (100%)	0 (0%)
17	Nguyên lý kế toán	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
18	Marketing căn bản	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
19	Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
20	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
21	Quản trị tài chính du lịch và khách sạn	3	45	20 (44,44%)	25 (55,56%)
22	Tổng quan du lịch	3	45	15	30

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
				(33,33%)	(66,67%)
23	Marketing du lịch	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)

Ghi chú: học phần Tiếng anh chuyên ngành 1,2 có thể thay đổi theo nhu cầu sinh viên tương ứng theo ngoại ngữ cơ bản mà sinh viên đăng ký ở Kiến thức giáo dục đại cương.

b) Kiến thức ngành: 28/67 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
<i>Bắt buộc</i>		12			
24	Nhập môn quản trị khách sạn	2	30	12 (40%)	18 (60%)
25	Nghiệp vụ lễ tân	2	30	0	30 100%
26	Nghiệp vụ buồng	2	30	0	30 100%
27	Quản trị năng suất trong kinh doanh KSNH	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
28	Quản lý hệ thống thông tin du lịch	3	45	18 (40%)	27 (60%)
<i>Tự chọn</i>		16/55			
29	Thiết kế khách sạn – nhà hàng	2	30	8 40%	22 (73,33%)
30	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch	2	30	12 (26,67%)	18 (60%)
31	Quản trị chất lượng dịch vụ	2	30	12 (40%)	18 (60%)
32	Quản trị bất động sản du lịch	2	30	12 (40%)	18 (60%)
33	Luật kinh doanh khách sạn	2	30	12 (40%)	18 (60%)
34	Quản trị khu vui chơi giải trí	2	30	12 (40%)	18 (60%)
35	An toàn thực phẩm	2	30	12	18



STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (giờ)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
				(40%)	(60%)
36	Nhập môn thương mại điện tử	2	30	11 (36,67%)	19 (55,56%)
37	Nhập môn marketing điện tử	2	30	12 (40%)	18 (60%)
38	Quản trị bán hàng	2	30	12 (40%)	18 (60%)
39	Quản trị marketing du lịch	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
40	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30	12 (40%)	18 (60%)
41	Quản trị thương hiệu	2	30	12 (40%)	18 (60%)
42	Đàm phán kinh doanh	2	30	12 (40%)	18 (60%)
43	Giao tiếp trong kinh doanh	3	45	15 (33/33%)	30 (66,67%)
44	Lập và quản lý dự án du lịch	2	30	12 (40%)	18 (60%)
45	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch	3	45	45 (100%)	0
46	Lễ tân ngoại giao	2	30	12 (40%)	18 (60%)
47	Tâm lý du khách	2	30	12 (40%)	18 (60%)
48	Du lịch MICE	2	30	12 (40%)	18 (60%)
49	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	45	18 (40%)	27 (60%)
50	Kế toán quản trị	3	45	18 (40%)	27 (60%)
51	Quản trị tài chính quốc tế	3	45	20 (44,44%)	25 (55,56%)
52	Kế toán tài chính	3	45	18 (40%)	27 (60%)

nb

\* Kiến thức chuyên ngành: 10 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
53	Quản trị lễ tân	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
54	Quản trị lưu trú	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
55	Quản trị nhà hàng	2	30	12 (40%)	18 (60%)
56	Quản trị dịch vụ spa và chăm sóc sức khoẻ	2	30	12 (40%)	18 (60%)

c) Thực tập, kiến tập: 9 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
	<i>Bắt buộc</i>	9			
57	Thực tập nghiệp vụ 1	3	45	0	45 (100%)
58	Thực tập nghiệp vụ 2	3	45	0	45 (100%)
59	Thực tập quản lý	3	45	0	45 (100%)

d) Làm khoá luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp: 7 tín chỉ

Điều kiện tốt nghiệp cuối khoá là sinh viên thực hiện khoá luận tốt nghiệp (mục A - 7 tín chỉ). Trong trường hợp không đủ điều kiện được làm khoá luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ phải thực hiện các học phần thay thế khoá luận (mục B - 7 tín chỉ) bao gồm thực hiện Chuyên đề tốt nghiệp (5 tín chỉ) và tham gia học phần Chuyên đề tổng hợp (2 tín chỉ).

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
A	Làm khóa luận	7			
60	Khoá luận	7	105	0	105 (100%)
B	Học phần thay thế khoá	(7)			

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
	<b>luận</b>				
61	Chuyên đề tốt nghiệp	5	75	0	75 (100%)
62	Chuyên đề tổng hợp	2	30	0 (0%)	30 (100%)

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Lịch trình đào tạo được tổ chức như sau: Những học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức cơ sở ngành và được tổ chức học vào các học kỳ 1, 2, 3; kiến thức ngành được tổ chức đào tạo từ học kỳ 4 trở đi.

Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 120/159 tín chỉ, bao gồm:

- Phần kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc phải tích lũy : 36 tín chỉ
- Phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp phải tích lũy tối thiểu: 84/123 tín chỉ (trong đó: bắt buộc 68 tín chỉ; tự chọn tối thiểu: 16/55 tín chỉ). Cụ thể:

+ Phần kiến thức cơ sở: 30 tín chỉ

+ Phần kiến thức ngành: 28/67 tín chỉ (12 tín chỉ bắt buộc, 16/55 tín chỉ tự chọn)

+ Phần kiến thức chuyên ngành 10 tín chỉ

+ Phần thực tập, kiến tập: 9 tín chỉ

+ Phần làm khoá luận tốt nghiệp: 7 tín chỉ

Nếu sinh viên không được giao làm khoá luận tốt nghiệp phải làm chuyên đề tốt nghiệp (5 tín chỉ) và theo học “Chuyên đề tổng hợp” (2 tín chỉ)/.